

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 12 - 6 - 2019.

V/v ly hôn giữa chị P và anh M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Văn Rạng.

- Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/5/2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Thanh P – Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn M – Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Khu phố 01, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị P, anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 22/4/2019 cũng như lời khai chị Đào Thị Thanh P tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Trịnh Văn M vào tháng 7 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M thường xuyên rượu chè, không chịu làm ăn. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M vẫn không thay đổi. Đến đầu 2015 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh M không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn M.

Về con chung chị Đào Thị Thanh P trình bày: Giữa chị và anh M có hai con chung là cháu Trịnh Kim H, sinh ngày 06/9/2012 và cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 19/6/2014. Hiện cháu H đang do chị P chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu B đang do anh M chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị P có nguyện vọng nuôi cháu Trịnh Kim H, sinh ngày 06/9/2012 còn để anh M nuôi cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 19/6/2014. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng chị P khai: Vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị P đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay cũng như tại các buổi làm việc với Tòa án bị đơn anh Trịnh Văn M trình bày: Anh kết hôn với chị Đào Thị Thanh P vào tháng 7 năm 2011 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, kinh tế gia đình gặp khó khăn, mặt khác chị P lại nghe lời bố mẹ để không tôn trọng chồng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh không nhất trí ly hôn, anh mong chị P suy nghĩ lại về đoàn tụ nuôi dạy con. Tại phiên toà hôm nay anh có quan điểm nếu chị P vẫn nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng hoàn toàn nhất trí thuận tình ly hôn cùng chị P.

Về con chung anh Trịnh Văn M xác định vợ chồng anh có hai con chung là cháu Trịnh Kim H, sinh ngày 06/9/2012 và cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 19/6/2014. Hiện cháu H đang do chị P chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu B đang do anh chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn anh M có nguyện vọng nuôi cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 19/6/2014 còn để chị P nuôi cháu Trịnh Kim H, sinh ngày 06/9/2012. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung anh M xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Thanh P và anh Trịnh Văn M; Về con chung: Giao cháu Trịnh Kim H, sinh ngày 06/9/2012 cho chị Đào Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 19/6/2014 cho anh Trịnh Văn M trực tiếp nuôi dưỡng.

Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị P phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị Thanh P và anh Trịnh Văn M đều cư trú tại huyện N. Nay chị Đào Thị Thanh P xin ly hôn anh Trịnh Văn M và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Đào Thị Thanh P và anh Trịnh Văn M vào tháng 7 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình gặp khó khăn, anh M thường xuyên rượu chè, không chịu làm ăn. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh M vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2015 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết chị được ly hôn với anh Trịnh Văn M. Phía anh Trịnh Văn M mong chị P suy nghĩ lại về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nhưng nếu chị P vẫn giữ quan điểm xin ly hôn thì anh M cũng nhất trí thuận tình ly hôn chị P. Quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị P và anh M là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị Thanh P và anh Trịnh Văn M có hai con chung là cháu Trịnh Kim H, sinh ngày 06/9/2012 và cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 19/6/2014. Hiện cháu H đang do chị P chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu B đang do anh M chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị P, anh M đều thống nhất giao cháu Trịnh Kim H, sinh ngày 06/9/2012 cho chị Đào Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng còn giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 19/6/2014 cho anh Trịnh Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy việc thỏa thuận của chị P và anh M là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Đào Thị Thanh P và anh Trịnh Văn M đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Thanh P và anh Trịnh Văn M.

2 - Về con chung: Xử giao cháu Trịnh Kim H, sinh ngày 06/9/2012 cho chị Đào Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 19/6/2014 cho anh Trịnh Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Đào Thị Thanh P phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000672 ngày 24/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Q;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương